

CÔNG TY CỔ PHẦN SPI

Địa chỉ: 338 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Tân Phong, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh

CÔNG TY CỔ PHẦN SPI

Báo cáo tài chính hợp nhất Công ty mẹ và Công ty con năm 2018
kết thúc vào ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	3 - 4
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	5 - 6
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
- Bảng cân đối kế toán hợp nhất	7 - 10
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	11
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	12 - 13
- Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	14 - 34



CÔNG TY CỔ PHẦN SPI

Địa chỉ: 338 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Tân Phong, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ Phần SPI (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất Công ty mẹ và Công ty con năm 2018 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán.

Công ty Cổ Phần SPI được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số: 2801330959; cấp ngày 13 tháng 04 năm 2009; Đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 11 tháng 01 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp.

Lĩnh vực kinh doanh và ngành nghề của Công ty: Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Lắp đặt hệ thống điện; Bảo dưỡng xe ô tô và xe có động cơ khác; Sản xuất xi măng, vôi, thạch cao; Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá; Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Chuẩn bị mặt bằng; Khai thác quặng kim loại không chứa sắt; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Khai thác và thu gom than cứng, than non; Dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác; Dịch vụ khoan nổ mìn; Sản Xuất phân bón và hợp chất ni tơ; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng; Bán phụ tùng, các bộ phận phụ trợ xe ô tô và xe có động cơ khác; Bán ô tô và xe có động cơ khác; Vận tải hàng hóa đường bộ và đường thủy nội địa; Trồng và chăm sóc rừng; Đại lý môi giới, đấu giá (không bao gồm môi giới, đấu giá bất động sản; Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí.

Hình thức sở hữu vốn

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là: **168.150.000.000 VND**

Vốn góp của các cổ đông đến ngày 31/12/2018: **168.150.000.000 VND**

Hội đồng quản trị Công ty tại kỳ lập báo cáo tài chính gồm:

Ông : Trần Thái Bình	Chủ tịch HĐQT
Ông : Nguyễn Văn Trường	Thành viên
Bà : Mai Lệ Thủy	Thành viên
Ông : Nguyễn Mai Dương	Thành viên
Ông : Trần Đại Nghĩa	Thành viên

Ban giám đốc Công ty tại kỳ lập báo cáo tài chính gồm:

Ông : Nguyễn Văn Đông	Giám đốc
Bà : Mai Lệ Thủy	Phó Giám đốc

Ban kiểm soát Công ty tại kỳ lập báo cáo tài chính gồm:

Bà : Nguyễn Thị Thanh Hương	Trưởng ban
Bà : Nguyễn Thị Ngân	Thành viên
Bà : Bùi Thúy Mai Phương	Thành viên

Kế toán trưởng tại kỳ lập báo cáo tài chính

Ông : Nguyễn Văn Trường

Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 02/2019/NQ-HĐQT ngày 11/01/2019 Công ty thực hiện thay đổi thành viên Ban Giám đốc (người đại diện pháp luật) và thực hiện thay đổi địa chỉ Công ty với gồm:

Ông : Nguyễn Văn Đông	Giám đốc - Miễn nhiệm từ ngày 11/01/2019
Ông : Nguyễn Tiến Đức	Giám đốc - Bổ nhiệm từ ngày 11/01/2019



CÔNG TY CỔ PHẦN SPI

Địa chỉ: 338 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Tân Phong, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh

Thay đổi trụ sở chính của Công ty từ Xóm Tam quy 3, Xã Hà Tân, Huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa về địa chỉ mới tại 338 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Tân Phong, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh.

Ngoài các sự kiện trên, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra tại ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính năm 2018.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán & Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Giám đốc trong việc lập Báo cáo tài chính

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2018. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở thực hiện đầy đủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính này.
- Việc lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục;

Giám đốc Công ty đảm bảo rằng, các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác, hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và bảo đảm rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh cho cùng kỳ, phù hợp với chuẩn mực, chế độ Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Ban lãnh đạo nhiệm kỳ hiện tại cam kết, chịu trách nhiệm về sử dụng hiệu quả tài sản hiện có của Công ty trong hoạt động kinh doanh, đảm bảo đủ nghĩa vụ cho toàn bộ các khoản nợ phải trả.

Tp. HCM, ngày 29 tháng 03 năm 2019

Phê duyệt của HĐQT Công ty
CHỦ TỊCH

Trần Thái Bình



TM. BAN GIÁM ĐỐC
GIÁM ĐỐC

**GIÁM ĐỐC
ĐỖ TIẾN ĐỨC**

Số: 335/BCKT/TC/2019/AASCS

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ Phần SPI

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần SPI, được lập ngày 30 tháng 01 năm 2019, từ trang 07 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập, trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra các ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở đưa ra ý kiến ngoại trừ

Công ty không thực hiện trích lập các khoản chi phí theo lương gồm BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN cho người lao động trong năm 2018 với các tài liệu từ phía Công ty cung cấp, chúng tôi không thể xác định được số cần phải trích vào chi phí và ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh cho năm tài chính 2018.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được nêu tại đoạn “Cơ sở đưa ra ý kiến ngoại trừ”, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm 2017 đã được một Doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến ngoại trừ về báo cáo tài chính.

Tp. HCM, ngày 29 tháng 3 năm 2019

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế Toán
và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)**



Phó Tổng Giám Đốc

LÊ VĂN TUẤN

Số Giấy CNDKHNKT 0479-2018-142-1

Kiểm toán viên

TẠ QUANG TẠO

Số Giấy CNDKHNKT 0055-2018-142-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		158.145.568.924	124.890.325.373
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	1.820.404.169	2.958.224.547
1	Tiền	111		1.820.404.169	2.958.224.547
2	Các khoản tương đương tiền	112			
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1	Chứng khoán kinh doanh	121			
2	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122			
3	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123			
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		134.818.952.654	84.729.965.194
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	84.333.882.288	55.829.921.194
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	138.911.000	70.055.000
3	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.04	32.100.000.000	22.300.000.000
6	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	18.316.170.366	6.600.000.000
7	Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	137		(70.011.000)	(70.011.000)
8	Tài sản thiếu chờ xử lý	139			
IV.	Hàng tồn kho	140	V.06	21.421.358.181	37.188.104.858
1	Hàng tồn kho	141		28.600.940.392	37.188.104.858
2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(7.179.582.211)	
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150	V.07	84.853.920	14.030.774
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151			
2	Thuế GTGT được khấu trừ	152		84.851.640	14.028.494
3	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		2.280	2.280
4	Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	154			
5	Tài sản ngắn hạn khác	155			
B	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		78.575.319.241	99.082.598.131
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1	Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2	Trả trước cho người bán dài hạn	212			
3	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213			
4	Phải thu dài hạn nội bộ	214			
5	Phải thu về cho vay dài hạn	215			
6	Phải thu dài hạn khác	216			
7	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			

CÔNG TY CỔ PHẦN SPI

Địa chỉ: Xóm Tam Quý 3, Xã Hà Tân, Huyện Hà Trung, Tỉnh Thanh Hóa

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
II. Tài sản cố định		220		934.621.821	1.361.900.711
1 Tài sản cố định hữu hình		221	V.08	934.621.821	1.361.900.711
- Nguyên giá		222		13.766.170.000	13.766.170.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		223		(12.831.548.179)	(12.404.269.289)
2 Tài sản cố định thuê tài chính		224		-	-
- Nguyên giá		225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		226			
3 Tài sản cố định vô hình		227	V.09	-	-
- Nguyên giá		228		200.000.000	200.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		229		(200.000.000)	(200.000.000)
III. Bất động sản đầu tư		230		-	-
- Nguyên giá		231			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		232			
IV. Tài sản dở dang dài hạn		240		28.900.000.000	28.900.000.000
1 Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		241		-	-
2 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		242	V.10	28.900.000.000	28.900.000.000
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		250		-	20.080.000.000
1 Đầu tư vào công ty con		251			
2 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		252	V.11		20.080.000.000
3 Đầu tư góp vốn vào công ty khác		253			
4 Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)		254			
5 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		255			
V. Tài sản dài hạn khác		260	V.12	48.740.697.420	48.740.697.420
1 Chi phí trả trước dài hạn		261		48.740.697.420	48.740.697.420
2 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		262			
3 Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		263			
4 Tài sản dài hạn khác		268			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		270		236.720.888.165	223.972.923.504

CÔNG TY CỔ PHẦN SPI

Địa chỉ: Xóm Tam Quý 3, Xã Hà Tân, Huyện Hà Trung, Tỉnh Thanh Hóa

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A	NỢ PHẢI TRẢ	300		69.727.380.213	50.228.782.973
I.	Nợ ngắn hạn	310		69.503.380.213	50.118.782.973
1	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	68.343.728.271	48.993.034.454
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	125.640.615	30.100.000
3	Thuế và các khoản phải nộp cho nhà nước	313	V.15	330.195.079	811.741.502
4	Phải trả người lao động	314		77.429.231	67.520.000
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	315			
6	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			
8	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318			
9	Các khoản phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	176.000.000	66.000.000
10	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	300.000.000	
11	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		150.387.017	150.387.017
13	Quỹ bình ổn giá	323			
14	Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	324			
II.	Nợ dài hạn	330		224.000.000	110.000.000
1	Phải trả người bán dài hạn	331			
2	Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3	Chi phí phải trả dài hạn	333			
4	Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5	Phải trả nội bộ dài hạn	335			
6	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336			
7	Phải trả dài hạn khác	337	V.18	224.000.000	110.000.000
8	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338			
9	Trái phiếu chuyển đổi	339			
10	Cổ phiếu ưu đãi	340			
11	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341			
12	Dự phòng phải trả dài hạn	342			
13	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343			



CÔNG TY CỔ PHẦN SPI

Địa chỉ: Xóm Tam Quý 3, Xã Hà Tân, Huyện Hà Trung, Tỉnh Thanh Hóa

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		166.993.507.952	173.744.140.531
I.	Vốn chủ sở hữu	410		166.993.507.952	173.744.140.531
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.19	168.150.000.000	168.150.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		168.150.000.000	168.150.000.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2	Thặng dư vốn cổ phần	412			
3	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4	Vốn khác của chủ sở hữu	414			
5	Cổ phiếu quỹ (*)	415			
6	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8	Quỹ đầu tư phát triển	418	V.19	451.161.049	451.161.049
9	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	
10	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	
11	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.19	(1.607.653.097)	5.142.979.482
	- LNST CPP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		5.129.892.652	4.009.846.116
	- LNST CPP kỳ này	421b		(6.737.545.749)	1.133.133.366
12	Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
13	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429			
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
2	Nguồn kinh phí	431			
3	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		440		236.720.888.165	223.972.923.504

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập, ngày 29 tháng 08 năm 2018

Giám Đốc


Nguyễn Văn Cường


Nguyễn Văn Cường



GIÁM ĐỐC
ĐỖ TIẾN ĐỨC

CÔNG TY CỔ PHẦN SPI

Địa chỉ: Xóm Tam Quy 3, Xã Hà Tân, Huyện Hà Trung, Tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

TT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	75.211.162.626	91.809.239.577
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		75.211.162.626	91.809.239.577
4	Giá vốn hàng bán	11	VI.02	81.433.638.658	85.602.588.399
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(6.222.476.032)	6.206.651.178
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	1.097.150.146	1.864.636.110
7	Chi phí tài chính	22	VI.04	11.819.058	3.443.709.927
	Trong đó: Chi phí lãi vay	23			712.011.126
8	Phần lãi hoặc lỗ trong Công ty Liên doanh, liên kết	24		-	-
9	Chi phí bán hàng	25	VI.05	28.145.727	76.680.000
10	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.06	1.460.995.962	10.553.187.731
11	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(6.626.286.633)	(6.002.290.370)
12	Thu nhập khác	31	VI.07		10.608.511.332
13	Chi phí khác	32	VI.08		87.824.072
14	Lợi nhuận khác	40		-	10.520.687.260
15	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(6.626.286.633)	4.518.396.890
16	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		111.259.116	3.331.753.130
17	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			(1.003.529.728)
18	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(6.737.545.749)	2.190.173.488
19	Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		(6.737.545.749)	1.075.789.584
20	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62			1.114.383.904
21	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	(401)	68
22	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71			

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập, ngày 29 tháng 03 năm 2018

Giám Đốc


Nguyễn Văn Đạt


Nguyễn Văn Đạt




**GIÁM ĐỐC
ĐỖ TIẾN ĐỨC**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2018	Năm 2017
I	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD			
1	Lợi nhuận trước thuế	01	(6.626.286.633)	4.518.396.890
2	Điều chỉnh cho các khoản			
-	Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	427.278.890	10.034.108.820
-	Các khoản dự phòng	03	7.179.582.211	(171.820.000)
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.097.150.146)	819.982.237
-	Chi phí lãi vay	06		712.011.126
-	Các khoản điều chỉnh khác	07		62.505.397
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(116.575.678)	15.975.184.470
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(40.359.810.606)	(49.697.943.823)
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10	8.587.164.466	27.563.341.716
-	Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kê lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	18.738.044.604	(18.177.916.961)
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12	-	7.474.926.011
-	Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		
-	Tiền lãi vay đã trả	14		(745.677.950)
-	Thuế TNDN đã nộp	15	(494.382.521)	(257.458.400)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	830.589.211	
-	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(12.814.970.524)	(17.865.544.937)
II	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1	Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		
2	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		
3	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(43.100.000.000)	(72.210.000.000)
4	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	41.300.200.000	85.210.000.000
5	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(20.080.000.000)
6	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	12.079.800.000	36.807.816.772
7	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.097.150.146	2.373.503.345
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	11.377.150.146	32.101.320.117

CÔNG TY CỔ PHẦN SPI

Địa chỉ: Xóm Tam Quy 3, Xã Hà Tân, Huyện Hà Trung, Tỉnh Thanh Hóa

III	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		
2	Tiền chi trả vốn góp cho các CSH mua lại cổ phiếu của DN đã phát hành	32		
3	Tiền thu từ đi vay	33	300.000.000	5.375.650.710
4	Tiền trả nợ gốc vay	34		(19.357.374.064)
5	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		
6	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	300.000.000	(13.981.723.354)
IV	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ (20+30+40)	50	(1.137.820.378)	254.051.826
1	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	2.958.224.547	2.704.172.721
	Ảnh hưởng của tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	
2	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	1.820.404.169	2.958.224.547

Người lập biểu


Nguyễn Văn Cường

Kế toán trưởng


Nguyễn Văn Cường

Lập, ngày 28 tháng 03 năm 2019

Giám Đốc



GIÁM ĐỐC
ĐỖ TIẾN ĐỨC

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2018

I- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1- Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ Phần SPI được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số: 2801330959; cấp ngày 13 tháng 04 năm 2009; Đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 11 tháng 01 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp.

2- Lĩnh vực kinh doanh của Công ty: Khai thác, Sản xuất, Thương mại và Xây dựng.

3- Ngành nghề kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Lắp đặt hệ thống điện; Bảo dưỡng xe ô tô và xe có động cơ khác; Sản xuất xi măng, vôi, thạch cao; Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá; Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Chuẩn bị mặt bằng; Khai thác quặng kim loại không chứa sắt; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Khai thác và thu gom than cứng, than non; Dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác; Dịch vụ khoan nổ mìn; Sản Xuất phân bón và hợp chất ni tơ; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng; Bán phụ tùng, các bộ phận phụ trợ xe ô tô và xe có động cơ khác; Bán ô tô và xe có động cơ khác; Vận tải hàng hóa đường bộ và đường thủy nội địa; Trồng và chăm sóc rừng; Đại lý môi giới, đấu giá (không bao gồm môi giới, đấu giá bất động sản; Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: 12 tháng

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến BCTC.

Trong năm Công ty thực hiện việc sắp xếp lại hoạt động Công ty (bao gồm cả việc đánh giá lại giá trị hàng tồn kho để trích lập dự phòng) đã làm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh năm 2018 của Công ty.

Ngoài các nội dung nêu trên, không còn có các thay đổi nào làm ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính năm 2018.

6. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có một văn phòng, một địa điểm kinh doanh và một Công ty con.

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Các thông tin so sánh đã được kiểm tra, phân loại phù hợp với số liệu cuối kỳ.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

1. Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng:

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam được quy định tại thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính, các chuẩn mực kế toán do Bộ Tài Chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

Cơ sở của kế toán và nghĩa vụ thuế, thực hiện theo phạm vi điều chỉnh tại điều 2 thông tư số

200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính về hướng dẫn việc ghi sổ kế toán, lập và trình bày Báo cáo tài chính, không áp dụng cho việc xác định nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp đối với ngân sách Nhà nước.

2- Tuyên bố việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3- Các căn cứ pháp lý làm cơ sở để hợp nhất báo cáo

- Chuẩn mực kế toán số 07 – Đầu tư vào Công ty Liên kết
- Chuẩn mực kế toán số 08 – Thông tin về các khoản góp vốn liên doanh
- Chuẩn mực kế toán số 11 – Hợp nhất kinh doanh
- Chuẩn mực kế toán số 25 – Báo cáo tài chính hợp nhất và các khoản đầu tư vào công ty con
- Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. Các chính sách, nguyên tắc kế toán áp dụng

1- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

- Nguyên tắc xác định các khoản tiền mặt, tiền gửi ngân hàng

Là chỉ tiền phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm: Tiền mặt tại quỹ của Doanh nghiệp, tiền gửi Ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

- Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền

Là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

- Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Đối với tiền mặt tại thời điểm lập báo cáo, doanh nghiệp đánh giá lại số dư ngoại tệ theo nguyên tắc: Tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng khi đánh giá lại số dư tiền mặt bằng ngoại tệ là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch (do doanh nghiệp tự lựa chọn) tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Đối với tiền gửi ngân hàng tại thời điểm lập báo cáo tài chính, doanh nghiệp đánh giá lại số dư ngoại tệ theo nguyên tắc: Tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng khi đánh giá lại số dư tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ là tỷ giá mua ngoại tệ của chính ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Trường hợp doanh nghiệp có nhiều tài khoản ngoại tệ ở nhiều ngân hàng khác nhau và tỷ giá mua của các ngân hàng không có sự chênh lệch đáng kể thì có thể lựa chọn tỷ giá mua của một trong các ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ làm căn cứ đánh giá lại.

2- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào đơn vị khác gồm các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết và các khoản đầu tư góp vốn khác với mục đích nắm giữ lâu dài

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính



CÔNG TY CỔ PHẦN SPI

Địa chỉ: 338 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Tân Phong, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh: Là dự phòng phân giá trị bị tổn thất có thể xảy ra do giảm giá các loại chứng khoán doanh nghiệp đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh;

Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác: Là khoản dự phòng tổn thất do doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư (công ty con, liên doanh, liên kết) bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết.

+ Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

+ Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, Công ty không phát sinh dự phòng đầu tư tài chính.

3- Nguyên tắc ghi nhận Các khoản phải thu

Nguyên tắc ghi nhận: Bao gồm các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản thu khác tại thời điểm báo cáo.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu khách hàng: các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua như bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý/ nhượng bán tài sản, tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;

- Phải thu nội bộ: các khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;

- Phải thu khác: các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Phân loại các khoản phải thu khi lập báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là ngắn hạn;

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ. Tỷ giá giao dịch khi đánh giá lại khoản phải thu của khách hàng là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Trường hợp doanh nghiệp có nhiều các khoản phải thu và giao dịch tại nhiều ngân hàng thì được chủ động lựa chọn tỷ giá mua của một trong những ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: các khoản nợ phải thu khó đòi được trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi lập báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

4- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

CÔNG TY CỔ PHẦN SPI

Địa chỉ: 338 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Tân Phong, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ

Công ty tính giá trị hàng tồn kho theo phương pháp: bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Công ty áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ để hạch toán hàng tồn kho.

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là giá trị ước tính phần tổn thất do vật tư, hàng hóa bị giảm giá, hư hỏng, mất trong hoạt động kinh doanh.

5- Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, vô hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại của tài sản cố định. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào điều kiện hoạt động như dự định. Những chi phí mua sắm, cải tiến và tân trang được chuyển hoá thành tài sản cố định, còn những chi phí bảo trì sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và hao mòn lũy kế được khoá sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh tuân thủ theo qui định tại Thông tư 45/2013/TT -BTC của Bộ Tài Chính.

- Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, vô hình

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định cho thời gian hữu dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao được áp dụng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định cho thời gian ước tính như sau:

Loại tài sản

Thời gian khấu hao

- Nhà cửa vật kiến trúc	06 - 12 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 07 năm
- Phương tiện vận tải	03 - 06 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 06 năm

6- Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh nhiều năm.

- Chi phí thành lập
- Chi phí trước hoạt động, chi phí chuẩn bị sản xuất;
- Chi phí chuyên địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp;
- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử phát sinh lớn;
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa lớn phát sinh một lần quá lớn.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Phân loại:

- *Chi phí trả trước ngắn hạn:* Là số tiền Công ty đã trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoản thời gian không quá 12 tháng hoặc 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước.
- *Chi phí trả trước dài hạn:* Là số tiền Công ty đã trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước; lợi thế thương mại và lợi thế kinh doanh còn chưa phân bổ vào chi phí tại thời điểm báo cáo.

7- Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Nguyên tắc ghi nhận: Bao gồm các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, phải trả nội bộ, phải trả khác và các khoản vay tại thời điểm lập báo cáo.

Việc phân loại các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán: là các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Phải trả nội bộ: các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải trả khác: các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Phân loại các khoản phải trả khi lập báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là nợ ngắn hạn;
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là nợ dài hạn.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

8- Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Những khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được tính trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi đó phát sinh, nếu có chênh lệch giữa số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

9- Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Công ty hạch toán chi tiết và theo dõi từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ, kế toán phải theo dõi chi tiết nguyên tệ.

Phân loại các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính:

- Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn.
- Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

Tại thời điểm lập báo cáo theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản



vay, nợ thuê tài chính có gốc ngoại tệ theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

10- Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ, trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

11- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý và phân phối theo quy định tại điều lệ Công ty.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.
- Việc phân chia lợi nhuận hoạt động kinh doanh của công ty phải đảm bảo theo đúng chính sách tài chính hiện hành.

Công ty trích lập các quỹ sau đây từ lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty theo Đề nghị của Hội đồng quản trị và được đại hội đồng cổ đông phê duyệt:

- *Quỹ đầu tư phát triển*: Nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của công ty
- *Quỹ khen thưởng phúc lợi*: Nhằm đem lại phúc lợi chung, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên.

12- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hoá đã chuyển giao cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN SPI

Địa chỉ: 338 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Tân Phong, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn 2 điều kiện:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ, tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng, tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản tổn thất, khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ, thu nhập từ quà, biếu, tặng bằng tiền, hiện vật...

13- Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ.
- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết).

14- Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

15- Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng

Các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Các khoản chi phí bán hàng không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán thì không được ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

16- Nguyên tắc ghi nhận chi phí quản lý

Các chi phí quản lý chung chỉ được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán thì không được ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.



CÔNG TY CỔ PHẦN SPI

Địa chỉ: 338 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Tân Phong, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh

17. Chi phí khác

Phản ánh những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của các doanh nghiệp.

Các khoản chi phí không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán thì không được ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

18- Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Việc áp dụng được thực hiện theo chuẩn mực kế toán số 26 và thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007 của Bộ Tài Chính.

19- Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Việc áp dụng được thực hiện theo chuẩn mực kế toán số 28 và thông tư số 20/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài Chính

20- Công cụ tài chính

Căn cứ thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ Tài chính, trước khi chuẩn mực kế toán về công cụ tài chính và các văn bản hướng dẫn được ban hành, Ban Tổng giám đốc Công ty không trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo thông tư số 210/2009/TT-BTC trong báo cáo của Công ty.

21- Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, CP thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hoãn lại là số thuế TNDN sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh trong tương lai từ việc:

- Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm;
- Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước



CÔNG TY CỔ PHẦN SPI

Địa chỉ: Xóm Tam Quy 3, Xã Hà Tân, Huyện Hà Trung, Tỉnh Thanh Hóa

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong bảng cân đối kế toán**01- TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	1.802.481.505	2.818.206.458
- Tiền gửi ngân hàng bằng VND	17.922.664	140.018.089
Cộng	1.820.404.169	2.958.224.547

02- PHẢI THU KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công ty TNHH Hải Sơn	18.024.959.700	29.462.893.700
- Công ty CP Thạch Phát Phú Thọ	10.231.973.400	6.732.000.000
- Công ty CP Phân Bón Hasco	7.592.200.000	-
- Công ty CP Sao Hoàng Gia	20.980.222.866	-
- Công ty TNHH TM Hưng Lợi	2.336.000.000	-
- Công ty TNHH MTV TM và DVDL Trần Hoàng Quân	25.140.826.322	16.190.987.522
- Các khách hàng khác	27.700.000	3.444.039.972
Cộng	84.333.882.288	55.829.921.194

03- TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công ty CP Chứng Khoán Đại Dương	70.011.000	70.011.000
- Công ty TNHH MTV Sơn Huyền Phát Gia Lai		44.000
- Công ty Cp Đầu tư và TM VNT	33.900.000	
- Các khách hàng khác	35.000.000	-
Cộng	138.911.000	70.055.000

04- PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Đinh Quang Hải	-	6.200.000.000
- Nguyễn Duy Hưng (a)	8.100.000.000	11.100.000.000
- Đỗ Xuân Thái (b)	5.000.000.000	5.000.000.000
- Hoàng Anh Tuấn (c)	11.000.000.000	
- Nguyễn Thị Bích (d)	8.000.000.000	
Cộng	32.100.000.000	22.300.000.000

(a) Đây là khoản Công ty cho cá nhân vay được thực hiện theo hợp đồng vay số 10/2018 ngày 15 tháng 12 năm 2018, hợp đồng được ký kết giữa Ông Nguyễn Duy Hưng và Công ty Cổ phần SPI, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 7.5% / năm tính từ ngày nhận tiền vay.

(b) Đây là khoản Công ty cho cá nhân vay được thực hiện theo hợp đồng vay số 11/2018 ngày 15 tháng 12 năm 2018, hợp đồng được ký kết giữa Ông Đỗ Xuân Thái và Công ty Cổ phần SPI, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 7.5% / năm tính từ ngày nhận tiền vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN SPI

Địa chỉ: Xóm Tam Quy 3, Xã Hà Tân, Huyện Hà Trung, Tỉnh Thanh Hóa

- (c) Đây là khoản Công ty cho cá nhân vay được thực hiện theo hợp đồng vay số 12/2018 ngày 15 tháng 12 năm 2018, hợp đồng được ký kết giữa Ông Hoàng Anh Tuấn và Công ty Cổ phần SPI, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 7.5% / năm tính từ ngày nhận tiền vay.
- (c) Đây là khoản Công ty cho cá nhân vay được thực hiện theo hợp đồng vay số 09/2018 ngày 15 tháng 12 năm 2018, hợp đồng được ký kết giữa Bà Nguyễn Thị Bích và Công ty Cổ phần SPI, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 7.5% / năm tính từ ngày nhận tiền vay.

05- PHẢI THU KHÁC NGẮN HẠN	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số dự phòng	Giá trị	Số dự phòng
- Phải thu tạm ứng (TK 141)	6.236.370.366		6.600.000.000	
- Phải thu về rút vốn Công ty Liên kết (*)	12.079.800.000		-	
Cộng	18.316.170.366	-	6.600.000.000	-

Ghi chú:

(*) Đây là khoản phải thu là do Công ty Cổ phần SPI thực hiện thoái vốn theo hợp đồng chuyển nhượng vốn ngày 05/05/2018 được ký kết giữa Công ty Cổ phần SPI và Ông Trần Văn Báu, giá trị chuyển nhượng là 20.800.000.000 đồng, số đã thu được là 8.000.200.000 đồng.

06- HÀNG TỒN KHO	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
- Nguyên vật liệu, vật liệu	23.780.824		23.780.824	
- Công cụ dụng cụ	16.266.000		16.266.000	
- Chi phí SXKD dở dang	939.569.521		343.193.631	
- Thành phẩm	1.676.837.033		1.676.837.033	
- Hàng hóa	25.944.487.014	(7.179.582.211)	35.128.027.370	
Cộng	28.600.940.392	(7.179.582.211)	37.188.104.858	-

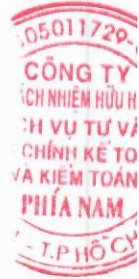
07- TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC	Số cuối năm		Số đầu năm	
- Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ			84.851.640	14.028.494
- Thuế và các khoản phải thu Nhà nước			2.280	2.280
Cộng			84.853.920	14.030.774

CÔNG TY CỔ PHẦN SPI

Địa chỉ: Xóm Tam Quy 3, Xã Hà Tân, Huyện Hà Trung, Tỉnh Thanh Hóa

08- TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chỉ tiêu	Nhà cửa - Vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
I. Nguyên giá					
1. Số dư đầu năm	7.947.188.000	4.920.899.091	698.342.000	199.740.909	13.766.170.000
2. Số tăng trong năm	-	-	-	-	-
- Mua sắm mới					
- Tăng do đầu tư XD CB hoàn thành					
3. Số giảm trong năm	-	-	-	-	-
- Giảm do thanh lý					
4. Số dư cuối năm	7.947.188.000	4.920.899.091	698.342.000	199.740.909	13.766.170.000
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
1. Số dư đầu năm	6.638.612.531	4.867.573.849	698.342.000	199.740.909	12.404.269.289
2. Số tăng trong năm	373.953.648	53.325.242	-	-	427.278.890
- Khấu hao trong năm	373.953.648	53.325.242	-	-	427.278.890
3. Số giảm trong năm	-	-	-	-	-
- Giảm do thanh lý					
4. Số dư cuối năm	7.012.566.179	4.920.899.091	698.342.000	199.740.909	12.831.548.179
III. Giá trị còn lại của TSCĐ HH					
1. Tại ngày đầu năm	1.308.575.469	53.325.242	-	-	1.361.900.711
2. Tại ngày cuối năm	934.621.821	-	-	-	934.621.821



CÔNG TY CỔ PHẦN SPI

Địa chỉ: Xóm Tam Quy 3, Xã Hà Tân, Huyện Hà Trung, Tỉnh Thanh Hóa

09- TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

Chi tiêu	Quyền khai thác mỏ đá	Tổng cộng
I. Nguyên giá		
1. Số dư đầu năm	200.000.000	200.000.000
2. Số tăng trong kỳ	-	-
- Mua sắm mới		-
- Tăng do đầu tư XD CB hoàn thành		-
3. Số giảm trong kỳ	-	-
- Giảm do thanh lý		-
4. Số dư cuối kỳ	200.000.000	200.000.000
1. Số dư đầu năm	200.000.000	200.000.000
2. Số tăng trong kỳ	-	-
- Khấu hao trong kỳ		-
3. Số giảm trong kỳ	-	-
- Giảm do thanh lý		-
4. Số dư cuối kỳ	200.000.000	200.000.000
III. Giá trị còn lại của TSCĐ HH		
1. Tại ngày đầu năm	-	-
2. Tại ngày cuối kỳ	-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN SPI

Địa chỉ: Xóm Tam Quy 3, Xã Hà Tân, Huyện Hà Trung, Tỉnh Thanh Hóa

10- CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí dự án trồng rừng tại Yên Bái (*)	28.900.000.000	28.900.000.000
Cộng	28.900.000.000	28.900.000.000

(*) Đây là dự án đầu tư phát triển và trồng măng tre Diêm trúc tại huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái theo giấy chứng nhận đầu tư số 16102100024 được Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái cấp ngày 30/06/2015. Đến nay dự án chưa đi vào hoạt động, nên số liệu này vẫn được hạch toán và theo dõi trên chi tiêu chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại báo cáo tài chính của Công ty con từ các năm tài chính trước chuyển sang.

11- CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết

Tên đơn vị	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Số dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty TNHH Thép Việt Đức Đồng Anh	20.080.000.000			
(*)				
Cộng	-	-	-	-

Ghi chú: (*)

- Khoản đầu tư vào Công ty Liên kết giảm là do giữa Công ty Cp SPI và Công ty TNHH Thép Việt Đức Đồng Anh thực hiện thỏa thuận rút vốn, khoản này được Công ty Cp SPI hạch toán và treo số dư sang khoản phải thu khác. Đến ngày 31/12/2018 đã thu được 8.000.200.000 đồng



CÔNG TY CỔ PHẦN SPI

Địa chỉ: Xóm Tam Quy 3, Xã Hà Tân, Huyện Hà Trung, Tỉnh Thanh Hóa

12- CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Lợi thế thương mại (*)	48.740.697.420	48.740.697.420
Cộng	48.740.697.420	48.740.697.420

(*) Đây là giá trị được ghi nhận và hạch toán từ năm 2013, 2014. Công ty Kiểm toán đương nhiệm không thực hiện việc đánh giá lại khoản này, giá trị này được ghi nhận lại số liệu theo sổ sách kế toán và báo cáo kiểm toán năm 2017 đã được Công ty kiểm toán khác thực hiện.

Trong năm 2018 Công ty không thực hiện phân bổ khoản mục lợi thế thương mại vào chi phí.

13- PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Công ty CP Thiết bị và Xây lắp Công nghiệp	10.290.663.900	10.290.663.900	6.757.073.400	6.757.073.400
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng & XNK Tuấn Thành	9.894.265.000	9.894.265.000	9.894.265.000	9.894.265.000
- Công ty TNHH TM DV XD Thiên Hoàng Ngân		-	3.756.000.000	3.756.000.000
- Công ty TNHH Nông sản Bình Định	7.288.000.000	7.288.000.000	-	-
- Công ty Cp Tập Đoàn Công nghiệp VN I	1.550.984.050			
- Công ty Cp KD - TM Song Phúc	10.933.178.080			
- Công ty Cp Đồ gỗ Ngôi Nhà Xanh	2.225.322.036			
- Công ty Cp Thương Mại Thủy Nguyên	8.927.520.000			
- Các khách hàng khác	281.613.805	281.613.805	2.533.514.654	2.533.514.654
- Công ty Cp Nông sản Nam Á	901.047.000	901.047.000	10.001.047.000	10.001.047.000
- Công ty TNHH MTV Phân bón Quốc tế Âu Việt	16.051.134.400	16.051.134.400	16.051.134.400	16.051.134.400
Cộng	68.343.728.271	44.706.724.105	48.993.034.454	48.993.034.454

14- NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cp Đầu tư XD Công trình Giao Thông		14.720.000
Công ty TNHH Huy Phong		15.380.000
Công ty TNHH Xây dựng Tự Lập	88.000.000	
Các khách hàng khác	37.640.615	
Cộng	125.640.615	30.100.000

15- THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP CHO NN

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
- Thuế GTGT hàng bán nội địa	56.924.452	6.975.080	63.899.532	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SPI

Địa chỉ: Xóm Tam Quy 3, Xã Hà Tân, Huyện Hà Trung, Tỉnh Thanh Hóa

- Thuế thu nhập doanh nghiệp	713.318.484	111.259.116	494.382.521	330.195.079
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	41.498.566		41.498.566	-
Cộng	811.741.502	118.234.196	599.780.619	330.195.079

Ghi chú:

- Số thuế đầu kỳ trên Báo cáo này đã được phân loại trình bày lại cho phù hợp với từng loại thuế
- Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế, do đó số thuế trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo Quyết định của Cơ quan thuế khi thực hiện việc quyết toán thuế.

16- PHẢI TRẢ PHẢI NỘP NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ông Trần Đại Nghĩa	176.000.000	66.000.000
Cộng	176.000.000	66.000.000

17- VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyễn Hoàng Luân (*)	300.000.000	
Cộng	300.000.000	-

(*) Khoản vay cá nhân trên được thực hiện theo hợp đồng số 01/2018 ngày 31/5/2018 giữa Ông Nguyễn Hoàng Luân và Công ty Cổ phần SPI với các điều khoản:

- Số tiền vay 300.000.000
- Thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng vay.
- Lãi suất 7.5% / năm tính từ ngày nhận tiền vay.

18- NỢ DÀI HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các khoản phải trả khác dài hạn	224.000.000	110.000.000
Cộng	224.000.000	110.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SPI

Địa chỉ: Xóm Tam Quy 3, Xã Hà Tân, Huyện Hà Trung, Tỉnh Thanh Hóa

19- VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	4
Số dư đầu năm trước 1/1/2017	168.150.000.000	451.161.049	4.072.351.513	172.673.512.562
Tăng vốn trong năm trước				-
Lãi trong năm trước			1.075.789.584	1.075.789.584
Tăng khác				-
Giảm vốn trong năm trước				-
Lỗ trong năm trước				-
Giảm khác (Do điều chỉnh hợp nhất)			18.248.446	18.248.446
Số dư đầu năm nay 1/1/2018	168.150.000.000	451.161.049	5.129.892.652	173.731.053.701
Tăng vốn trong năm nay				-
Lãi trong năm nay			(6.737.545.749)	(6.737.545.749)
Tăng khác (Do điều chỉnh hợp nhất)				-
Giảm vốn trong năm nay				-
Lỗ trong năm nay				-
Giảm khác (Do điều chỉnh hợp nhất)				-
Số dư cuối năm nay 31/12/2018	168.150.000.000	451.161.049	(1.607.653.097)	166.993.507.952

CÔNG TY CỔ PHẦN SPI

Địa chỉ: Xóm Tam Quy 3, Xã Hà Tân, Huyện Hà Trung, Tỉnh Thanh Hóa

b. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu		Số cuối năm	Số đầu năm
- Vốn góp của các cổ đông		168.150.000.000	168.150.000.000
Cộng vốn đầu tư của chủ sở hữu		168.150.000.000	168.150.000.000
c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận, chia cổ tức		Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu			
+ Vốn góp đầu năm		168.150.000.000	168.150.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ			
+ Vốn góp giảm trong kỳ			-
+ Vốn góp cuối kỳ		168.150.000.000	168.150.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia			
d. Cổ phiếu		Năm nay	Năm trước
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		16.815.000	16.815.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		16.815.000	16.815.000
+ Cổ phiếu phổ thông		16.815.000	16.815.000
+ Cổ phiếu ưu đãi			
- Số lượng cổ phiếu mua lại		-	-
+ Cổ phiếu phổ thông			
+ Cổ phiếu ưu đãi			
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		16.815.000	16.815.000
+ Cổ phiếu phổ thông		16.815.000	16.815.000
+ Cổ phiếu ưu đãi			

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đ/cp (Mười ngàn đồng / cổ phiếu).

đ. Cổ tức	Năm nay	Năm trước
- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm		
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông		
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi		
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận		

Ghi chú: Lợi nhuận kinh doanh của năm 2018 lỗ.

CÔNG TY CỔ PHẦN SPI

Địa chỉ: Xóm Tam Quy 3, Xã Hà Tân, Huyện Hà Trung, Tỉnh Thanh Hóa

e. Các quỹ của doanh nghiệp	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Quỹ đầu tư phát triển	451.161.049	451.161.049
20- CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của TS không hủy ngang		
Tài sản nhận giữ hộ		
Ngoại tệ các loại		
Nợ khó đòi đã xử lý		
Ghi chú: Công ty không có tài sản ngoài bảng		
VI- Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh		
01- DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CCDV	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Doanh thu bán hàng và dịch vụ	75.211.162.626	91.809.239.577
Cộng	<u>75.211.162.626</u>	<u>91.809.239.577</u>
02- GIÁ VỐN HÀNG BÁN	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Giá vốn hàng bán và dịch vụ	74.254.056.447	85.602.588.399
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	7.179.582.211	
Cộng	<u>81.433.638.658</u>	<u>85.602.588.399</u>
03- DOANH THU TÀI CHÍNH	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền gửi, lãi cho vay cá nhân	66.813	1.847.810.879
- Lãi chênh lệch tỷ giá		16.825.231
- Lãi tiền cho vay cá nhân	1.097.083.333	
Cộng	<u>1.097.150.146</u>	<u>1.864.636.110</u>
04- CHI PHÍ TÀI CHÍNH	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền vay	-	712.011.126

CÔNG TY CỔ PHẦN SPI

Địa chỉ: Xóm Tam Quy 3, Xã Hà Tân, Huyện Hà Trung, Tỉnh Thanh Hóa

- Lỗ do bán các khoản đầu tư		2.730.298.513
- Phí chuyển tiền	11.819.058	1.400.288
Cộng	11.819.058	3.443.709.927
05- CHI PHÍ BÁN HÀNG	Năm nay	Năm trước
- Chi phí bằng tiền khác	28.145.727	76.680.000
Cộng	28.145.727	76.680.000
06- CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân viên quản lý	583.940.193	1.857.263.373
- Chi phí dụng cụ		70.360.265
- Khấu hao tài sản cố định		98.879.998
- Thuế, phí, lệ phí	6.000.000	10.520.000
- Hoàn nhập dự phòng		(171.820.000)
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.136.265	470.998.509
- Chi phí khác bằng tiền	851.919.504	8.216.985.586
Cộng	1.460.995.962	10.553.187.731
07- THU NHẬP KHÁC	Năm nay	Năm trước
- Thu nhập từ khoản lãi Ngân hàng được miễn		10.608.511.332
Cộng	-	10.608.511.332
08- CHI PHÍ KHÁC	Năm nay	Năm trước
- Các khoản tiền phạt		87.824.072
Cộng	-	87.824.072

CÔNG TY CỔ PHẦN SPI

Địa chỉ: Xóm Tam Quy 3, Xã Hà Tân, Huyện Hà Trung, Tỉnh Thanh Hóa

09- CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu (Gồm cả giá vốn thương mại)	74.285.530.392	182.009.914
Chi phí nhân công	753.037.193	2.026.343.373
Chi phí khấu hao TSCĐ	427.278.890	9.563.619.563
Chi phí dịch vụ mua ngoài	39.423.274	708.536.389
Chi phí bằng tiền khác	2.526.481.326	7.585.207.329
Cộng	78.031.751.075	20.065.716.568

10- LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(6.737.545.749)	1.138.294.981
- Lợi nhuận dùng trích vào quỹ khen thưởng, phúc lợi		
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	16.815.000	16.815.000
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(401)	68

VII- NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

01- Thông tin về các bên liên quan

a/ Bên liên quan là các thành viên quản lý

Bao gồm: Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng và Ban Kiểm soát

Các giao dịch với các bên có liên quan

Các bên liên quan	Nội dung	Số tiền
Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng và Ban Kiểm soát	- Lương và các khoản phụ cấp	108.000.000

b/ Bên liên quan là pháp nhân

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tỷ lệ
Công ty TNHH MTV Môi trường Quốc Bảo	Công ty con	100%

Các giao dịch về mua bán hàng hóa với các bên có liên quan trong năm 2018: Không có

CÔNG TY CỔ PHẦN SPI

Địa chỉ: Xóm Tam Quy 3, Xã Hà Tân, Huyện Hà Trung, Tỉnh Thanh Hóa

02- Thông tin về Báo cáo bộ phận

Công ty không trình bày báo cáo bộ phận vì không thỏa mãn một trong các điều kiện theo lĩnh vực kinh doanh hay theo vị trí địa lý theo quy định tại Thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính V/v hướng dẫn thực hiện 06 chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 của Bộ Tài chính.

03- Thông tin về hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở doanh nghiệp đang hoạt động liên tục và sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai, doanh nghiệp không có ý định cũng như không buộc phải ngừng hoạt động hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

04- Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2017 đã được Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt - Chi nhánh Hà Nội kiểm toán. Ý kiến báo cáo kiểm toán năm 2017 là ý kiến ngoại trừ.

Số đầu năm trên báo cáo này có điều chỉnh hồi tố giảm phần lãi từ Công ty liên doanh, liên kết trong lợi nhuận hợp nhất do khoản đầu tư này năm 2018 đã hạch toán giảm, theo biên bản thỏa thuận về rút vốn thì số tiền sẽ thu hồi bằng đúng phần giá gốc đầu tư, không có phần lãi, dẫn đến số đầu năm trên báo cáo hợp nhất có điều chỉnh giảm chỉ tiêu Đầu tư Công ty Liên doanh, liên kết và giảm lợi nhuận với giá trị 62.505.397 đồng.

05- Thông tin khác

Theo nghị quyết của Hội đồng quản trị, kể từ năm 2019 Công ty thay đổi trụ sở chính từ Xóm Tam quy 3, Xã Hà Tân, Huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa về địa chỉ mới tại 338 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Tân Phong, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh. Công ty đang thực hiện sắp xếp lại hoạt động kinh doanh để mang lại hiệu quả tốt cho các cổ đông.

Hoạt động của Công ty TNHH MTV Môi trường Quốc Bảo (Là Công ty con). Ngày 1/3/2019 Công ty Quốc Bảo được cấp giấy đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 3 về việc chuyển địa điểm Văn phòng Công ty từ Tầng 1, Số 230 Đường Thành Công, P. Nguyễn Thái Học, Tp Yên Bái, tỉnh Yên Bái về địa chỉ số 9, Ngõ 46 Lê Văn Thiêm, Phường Nhân chính, Quận Thanh xuân, Hà Nội. Công ty đang thực hiện tái cơ cấu ngành nghề để tiếp tục hoạt động kinh doanh

Người lập biểu


Nguyễn Văn Cường

Kế toán trưởng


Nguyễn Văn Cường

Lập, ngày 29 tháng 03 năm 2019

Giám Đốc



**GIÁM ĐỐC
ĐỖ TIẾN ĐỨC**